Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

		Trang
1.	Thông tin chung	1 - 2
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
7.	Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 37

****

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1800544868, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 02 năm 2004. Công ty cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 được cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ thuê bao đô thị công ích, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, cho thuê tài sản, bán điện năng lượng mặt trời và các hoạt động kinh doanh khác.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 263 đường Trần Hưng Đạo, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại : (0293) 3 876 357

Mã số thuế : **1 8 0 0 5 4 4 8 6 8**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị "HĐQT" trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Huỳnh Thông Minh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 3 năm 2025
Ông	Vũ Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 3 năm 2025
Ông	Huỳnh Thông Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Ông	Bùi Trọng Lực	Thành viên	
Ông	Quách Minh Hiển	Thành viên	
Ông	Vũ Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 3 năm 2025
Ông	Huỳnh Trung Tín	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Ông	Cao Thế Khải	Thành viên	
Ông	Vũ Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Ông	Vũ Trường Giang	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Ông	Nguyễn Dũng Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lý Thanh Quang	Trưởng ban	
Ông	Dương Anh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Bà	La Thụy Phiếng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025
Bà	Bùi Thị Thu Oanh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc
Ông	Quách Minh Hiển	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Cao Thế Khải	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Huỳnh Trung Tín	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Huỳnh Thông Minh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông	Vũ Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông	Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 24 tháng 02 năm 2026. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Vũ Minh Đức

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD
64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Tel: (028) 3636 4038 - 3636 4039
www.kiemtoanfac.vn - Email: congty@kiemtoanfac.vn

Số: 045/2025/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

M.S.D.N: 0305992447 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 24 tháng 02 năm 2026

Trần Thanh Hải - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 6298-2024-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**135.678.694.197**	**105.960.411.188**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**17.925.620.732**	**8.622.443.625**
1 Tiền	111	4	17.925.620.732	8.622.443.625
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**8.382.399.606**	**8.248.131.507**
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	8.382.399.606	8.248.131.507
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**95.415.240.983**	**87.132.435.128**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	100.345.824.670	90.269.205.235
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.401.142.784	10.091.573.664
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	319.495.857	703.992.629
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(11.651.222.328)	(13.932.336.400)
IV. Hàng tồn kho	**140**	10	**11.226.125.589**	**834.484.451**
1 Hàng tồn kho	141		11.226.125.589	834.484.451
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.729.307.287**	**1.122.916.477**
1 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.729.307.287	1.122.916.477
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**380.644.220.354**	**333.221.586.983**
I. Tài sản cố định	**220**		**320.525.501.072**	**262.889.855.008**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	318.197.495.321	260.527.786.201
- *Nguyên giá*	*222*		*520.162.462.621*	*442.405.778.982*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(201.964.967.300)*	*(181.877.992.781)*
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	2.328.005.751	2.362.068.807
- *Nguyên giá*	*228*		*2.693.601.620*	*2.693.601.620*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(365.595.869)*	*(331.532.813)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**17.708.003.704**	**28.298.576.959**
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	17.708.003.704	28.298.576.959
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**42.410.715.578**	**42.010.715.578**
1 Đầu tư vào công ty con	251	14	42.410.715.578	42.010.715.578
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**22.439.438**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	15	-	22.439.438
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**516.322.914.551**	**439.181.998.171**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**171.140.322.563**	**99.571.323.745**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**132.784.097.200**	**75.698.076.745**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.422.897.080	17.539.250.050
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	105.297.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	683.472.265	879.419.724
4	Phải trả người lao động	314		552.540.000	421.917.000
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.888.173.538	10.110.464.016
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	90.376.588.364	44.222.990.000
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.860.425.953	2.418.738.955
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**38.356.225.363**	**23.873.247.000**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	38.356.225.363	23.873.247.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**345.182.591.988**	**339.610.674.426**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	21	**345.182.591.988**	**339.610.674.426**
1	Vốn cổ phần	411	21.2	248.782.914.060	248.782.914.060
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		248.782.914.060	248.782.914.060
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.242.300	26.993.949.614
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.847.435.009	10.680.810.133
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.847.435.009	10.680.810.133
4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	21.5	53.153.000.619	53.153.000.619
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**516.322.914.551**	**439.181.998.171**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Vũ Thị Tình	Trần Hồng Đăng	Bùi Trọng Lực
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	22	**148.322.820.159**	**153.895.195.586**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	22	**148.322.820.159**	**153.895.195.586**
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	23	116.919.590.860	120.306.253.409
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**31.403.229.299**	**33.588.942.177**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.969.042.964	1.941.767.341
7	Chi phí tài chính	22	25	5.899.834.273	2.757.437.688
-	*Trong đó: Chi phí lãi vay*	23		*5.899.834.273*	*2.757.437.688*
8	Chi phí bán hàng	25		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.873.992.622	15.892.641.066
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**17.598.445.368**	**16.880.630.764**
11	Thu nhập khác	31		252.792.383	351.480.978
12	Chi phí khác	32		208.487.898	157.783.536
13	**Lợi nhuận khác**	**40**	27	**44.304.485**	**193.697.442**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**17.642.749.853**	**17.074.328.206**
15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	2.483.898.514	2.626.501.537
16	**Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**15.158.851.339**	**14.447.826.669**

Vũ Thị Tình	**Trần Hồng Đăng**	**Bùi Trọng Lực**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		147.935.185.913	138.304.183.517
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(117.814.755.088)	(108.924.485.481)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.105.642.429)	(3.870.394.494)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.899.834.273)	(2.757.437.688)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(2.682.973.673)	(1.277.080.971)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.152.491.853	10.615.784.733
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.333.964.616)	(14.808.545.201)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**14.250.507.687**	**17.282.024.415**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(62.110.194.719)	(43.781.194.559)
2	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.292.153.030)	(2.000.000.000)
3	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.292.153.030	-
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.698.207.551)
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.434.774.865	1.893.635.834
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(58.675.419.854)**	**(45.585.766.276)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	19	182.241.973.393	95.642.647.600
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(121.605.396.666)	(73.345.290.820)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21.3	(6.908.487.453)	(6.019.193.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**53.728.089.274**	**16.278.163.333**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**9.303.177.107**	**(12.025.578.528)**
Tiền đầu năm	**60**	4	**8.622.443.625**	**20.648.022.153**
Tiền cuối năm	**70**	4	**17.925.620.732**	**8.622.443.625**

Vũ Thị Tình	**Trần Hồng Đăng**	**Bùi Trọng Lực**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1800544868, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 02 năm 2004. Công ty cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 được cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có ba (03) Công ty con trực tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty	*Trụ sở chính*	*Hoạt động kinh doanh chính*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	Xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Xây dựng các công trình	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	Phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Dịch vụ công ích; thoát nước và xử lý nước thải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang	Phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100%	100%

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ thuê bao đô thị công ích, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, cho thuê tài sản, bán điện năng lượng mặt trời và các hoạt động kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 263 đường Trần Hưng Đạo, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 28 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 24 tháng 02 năm 2026. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2. *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5. *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5. *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6. *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng và được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (50 năm) tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2009.

3.7. *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	04 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6,5 - 30 năm
Tài sản khác	15 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.8. *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước và các tuyến ống cấp nước truyền tải của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9. *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.17. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ thuê bao đô thị công ích và cho thuê tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	1.241.111.819	313.750.573
Tiền gửi ngân hàng	16.684.508.913	8.308.693.052
TỔNG CỘNG	**17.925.620.732**	**8.622.443.625**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Tiền gửi có kỳ hạn	8.382.399.606	8.382.399.606	8.248.131.507	8.248.131.507
TỔNG CỘNG	**8.382.399.606**	**8.382.399.606**	**8.248.131.507**	**8.248.131.507**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang, được hưởng lãi suất từ 4,2% đến 5,4% một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

Trong đó, Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang với tổng giá trị là 5.200.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long và tổng giá trị là 3.000.000.000 VND để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, tham gia dự thầu cho các dịch vụ công ích đô thị của Công ty *(Thuyết minh số 19.2)*

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ các bên liên quan	*(Thuyết minh số 30)*	***25.670.094.925***	***21.457.522.895***
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang		25.333.218.475	21.120.646.445
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang		336.876.450	336.876.450
Phải thu từ các khách hàng khác		***74.675.729.745***	***68.811.682.340***
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị thành phố Vị Thanh		6.646.433.321	26.420.679.595
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị thành phố Ngã Bảy		11.599.186.000	18.731.225.000
Phòng Quản lý Đô thị huyện Phụng Hiệp		-	7.949.129.000
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị phường Vị Tân		13.459.307.102	-
Phải thu các khách hàng khác		42.970.803.322	15.710.648.745
TỔNG CỘNG		**100.345.824.670**	**90.269.205.235**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.651.222.328)	(13.932.336.400)
GIÁ TRỊ THUẦN		**88.694.602.342**	**76.336.868.835**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	13.932.336.400	11.468.684.900
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	1.773.176.328	2.463.651.500
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.593.017.400)	-
Trừ: Xử lý dự phòng trong năm	(461.273.000)	-
Số cuối năm	11.651.222.328	13.932.336.400

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho bên liên quan	*(Thuyết minh số 30)*	***6.294.982.784***	***5.326.694.464***
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang		968.288.320	-
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long		5.326.694.464	5.326.694.464
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		***106.160.000***	***4.764.879.200***
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiếu An Phát		-	3.644.372.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác		106.160.000	1.120.507.200
TỔNG CỘNG		**6.401.142.784**	**10.091.573.664**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ các bên liên quan	*(Thuyết minh số 30)*	***72.495.857***	***174.332.629***
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang		72.495.857	174.332.629
Phải thu từ các bên khác		***247.000.000***	***529.660.000***
Tạm ứng cho nhân viên		247.000.000	529.660.000
TỔNG CỘNG		**319.495.857**	**703.992.629**

9. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
Đối tượng nợ (*)	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị thành phố Ngã Bảy - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	11.414.469.328	-	12.278.204.000	-
Các khoản phải thu tiền cung cấp dịch vụ khác	236.753.000	-	1.676.546.874	22.414.474
TỔNG CỘNG	**11.651.222.328**	**-**	**13.954.750.874**	**22.414.474**

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 6*.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	11.204.625.589	-	812.984.451	-
Công cụ, dụng cụ	21.500.000	-	21.500.000	-
TỔNG CỘNG	**11.226.125.589**	**-**	**834.484.451**	**-**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	69.512.956.046	48.365.818.175	270.202.676.783	54.324.327.978	442.405.778.982
Mua trong năm	-	4.015.662.388	-	-	4.015.662.388
Xây dựng cơ bản hoàn thành	59.392.390	-	73.234.058.491	447.570.370	73.741.021.251
Số cuối năm	69.572.348.436	52.381.480.563	343.436.735.274	54.771.898.348	520.162.462.621
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*4.735.298.122*	*9.835.837.157*	*31.690.053.184*	-	*46.261.188.463*
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	38.858.464.590	24.325.648.355	118.688.721.456	5.158.380	181.877.992.781
Khấu hao trong năm	2.696.960.645	3.861.967.516	13.488.944.294	39.102.064	20.086.974.519
Số cuối năm	41.555.425.235	28.187.615.871	132.177.665.750	44.260.444	201.964.967.300
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	30.654.491.456	24.040.169.820	151.513.955.327	54.319.169.598	260.527.786.201
Số cuối năm	28.016.923.201	24.193.864.692	211.259.069.524	54.727.637.904	318.197.495.321
Trong đó:					
Sử dụng để thế chấp	-	-	*76.617.122.181*	-	*76.617.122.181*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 76.617.122.181 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.417.440.077 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Công ty *(Thuyết minh số 19.2)*

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Nguyên giá	*Hao mòn lũy kế*	*Giá trị còn lại*
Quyền sử dụng đất			
Số đầu năm	2.693.601.620	331.532.813	2.362.068.807
Hao mòn trong năm	-	34.063.056	
Số cuối năm	2.693.601.620	365.595.869	2.328.005.751

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công trình tuyến ống cấp nước truyền tải dọc Quốc lộ 61C	-	19.957.247.632
Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Ngã Sáu	16.388.035.186	7.604.315.741
Cải tạo hàng rào, sân đường nội bộ, di dời	1.006.564.815	706.988.889
Chi phí thẩm định	313.403.703	30.024.697
TỔNG CỘNG	**17.708.003.704**	**28.298.576.959**

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên Công ty con	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	*Giá trị VND*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)*	*Giá trị VND*
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long **(i)**	100% và 100%	2.300.000.000	100% và 100%	1.900.000.000
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang **(ii)**	100% và 100%	30.110.715.578	100% và 100%	30.110.715.578
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang **(iii)**	100% và 100%	10.000.000.000	100% và 100%	10.000.000.000
TỔNG CỘNG		**42.410.715.578**		**42.010.715.578**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		-
GIÁ TRỊ THUẦN		**42.410.715.578**		**42.010.715.578**

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

(i) ***Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long***

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 6300335784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp vào ngày 20 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.900.000.000 VND lên 2.300.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 đến năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và nhiệm kỳ IV (2025 - 2030) số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty này là xây dựng công trình cấp thoát nước; di dời và lắp đặt hệ thống chiếu sáng; xây dựng công trình đường bộ; bán buôn vật liệu xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại đường Nguyễn Trung Trực, ấp Nhơn Thuận 1A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

(ii) ***Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang***

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 6300349145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 30.110.715.578 VND.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty này là dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, hệ thống chiếu sáng; thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải, xử lý và tiêu hủy rác thải. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 3, đường số 4, Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

(iii) ***Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang***

Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 6300356590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp vào ngày 19 tháng 12 năm 2022 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 10.000.000.000 VND.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp và thoát nước. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu vực 3, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	22.439.438
TỔNG CỘNG	**-**	**22.439.438**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	***13.672.874.500***	***13.672.874.500***	***17.350.025.000***	***17.350.025.000***
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	13.672.874.500	13.672.874.500	17.350.025.000	17.350.025.000
Phải trả người bán khác	**12.750.022.580**	**12.750.022.580**	**189.225.050**	**189.225.050**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiếu An Phát	851.750.400	851.750.400	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang	11.222.972.430	11.222.972.430	-	-
Phải trả đối tượng khác	675.299.750	675.299.750	189.225.050	189.225.050
TỔNG CỘNG	**26.422.897.080**	**26.422.897.080**	**17.539.250.050**	**17.539.250.050**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế Giá trị gia tăng	6.412.586	-	(600.000)	5.812.586
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	862.423.673	2.483.898.514	(2.682.973.673)	663.348.514
Thuế Thu nhập cá nhân	10.583.465	344.371.552	(340.643.852)	14.311.165
Thuế Tài nguyên	-	539.642.082	(539.642.082)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**879.419.724**	**3.371.912.148**	**(3.567.859.607)**	**683.472.265**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	46.835.440	8.494.160
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Châu Thành (i)	1.341.067.708	1.341.067.708
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Hậu Giang (ii)	8.507.715.625	8.115.852.863
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Vị Thanh (iii)	988.878.021	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khu vực VII	69.872.000	-
Cổ tức phải trả đối tượng khác	234.174.324	182.299.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	699.630.420	462.749.952
TỔNG CỘNG	**11.888.173.538**	**10.110.464.016**

(i) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân (UBND) huyện Châu Thành về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường nối thị trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu (Đường ống cấp nước).

(ii) Khoản tiền hỗ trợ theo các Quyết định của UBND huyện Long Mỹ, huyện Phụng Hiệp, huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A và thành phố Ngã Bảy về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ di dời đường ống cấp nước tại vị trí bị ảnh hưởng.

(iii) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Vị Thanh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án Cầu và đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Vị Thanh (đợt 1).

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn			
Vay ngân hàng	*(Thuyết minh số 19.1)*	80.008.860.000	38.680.947.000
Vay dài hạn đến hạn trả	*(Thuyết minh số 19.2)*	10.367.728.364	5.542.043.000
TỔNG CỘNG		**90.376.588.364**	**44.222.990.000**

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay dài hạn			
Vay ngân hàng	*(Thuyết minh số 19.2)*	38.356.225.363	23.873.247.000
TỔNG CỘNG		**38.356.225.363**	**23.873.247.000**

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	44.222.990.000	23.873.247.000	68.096.237.000
Tiền thu từ đi vay	150.286.973.393	31.955.000.000	182.241.973.393
Tiền chi trả nợ gốc vay	(114.501.103.393)	(7.104.293.273)	(121.605.396.666)
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	10.367.728.364	(10.367.728.364)	-
Số cuối năm	**90.376.588.364**	**38.356.225.363**	**128.732.813.727**
Số có khả năng trả nợ	*90.376.588.364*	*38.356.225.363*	*128.732.813.727*

19.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi suất vay*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hậu Giang			
Hợp đồng tín dụng số 7000-LAV-202501298 ngày 27 tháng 10 năm 2025	30.636.541.000	Theo từng giấy nhận nợ cụ thể	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang			
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT821-CTY HAWASUCO ngày 31 tháng 10 năm 2025	49.372.319.000	Thời hạn cho vay không quá 8 tháng với lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**80.008.860.000**		

Ngoài ra, công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 02/2025-HĐCBLHM/NHCT821-HAWASUCO ngày 31 tháng 10 năm 2025 với hạn mức bảo lãnh là 50.000.000.000 VND, thời hạn cấp bảo lãnh đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2026, tài sản đảm bảo là: Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 15.50/2025/HĐBĐ/NHCT821-CTN ngày 14 tháng 11 năm 2025, số 01.46/2024/HĐBĐ/NHCT821-CTY CTN ngày 10 tháng 01 năm 2024, số 02.46/2024/HĐBĐ/NHCT821-CTY CTN ngày 17 tháng 01 năm 2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này là: 30.925.625.245 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 29.681.563.612 VND).

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2. *Các khoản vay ngân hàng dài hạn*

Chi tiết của các khoản vay dài hạn tại ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn và lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang				
Hợp đồng cho vay từng lần số 17/46/2024-HĐCV/NHCT821-CTY CAP NUOC ngày 10 tháng 6 năm 2024	2.065.500.000	72 tháng với lãi suất 12%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện dự án Tuyến ống chuyền tải từ Bốt số 10 về Ngã Sáu thuộc tỉnh lộ 925	Tuyến ống chuyền tải từ Bốt số 10 về Ngã Sáu thuộc tỉnh lộ 925
Hợp đồng cho vay từng lần số 18/46/2024-HĐCV/NHCT821-CTY CAP NUOC ngày 19 tháng 6 năm 2024	7.363.000.000	72 tháng với lãi suất 12%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện dự án Tuyến ống cấp nước truyền tải dọc Quốc lộ 61C	Tuyến ống cấp nước truyền tải dọc Quốc lộ 61C
Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 52.46/2024-HĐCV/NHCT821-CTY HAWASUCO ngày 11 tháng 12 năm 2024	39.295.453.727	72 tháng với lãi suất 12%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện dự án Tuyến ống cấp nước truyền tải dọc Quốc lộ 61C	Tuyến ống cấp nước truyền tải dọc Quốc lộ 61C
TỔNG CỘNG	**48.723.953.727**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.367.728.364*	*VND*		
Vay dài hạn	*38.356.225.363*	*VND*		

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm		2.418.738.955	2.709.001.824
Trích lập trong năm	*(Thuyết minh số 21.1)*	2.626.571.333	2.526.436.268
Sử dụng trong năm		(2.189.884.335)	(2.821.699.137)
Tăng khác		5.000.000	5.000.000
Số cuối năm		2.860.425.953	2.418.738.955
Trong đó			
Quỹ Khen thưởng		*1.756.861.675*	*1.652.914.497*
Quỹ Phúc lợi		*1.003.564.278*	*654.626.818*
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành		*100.000.000*	*111.197.640*

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	248.782.914.060	23.125.322.264	8.709.529.276	53.153.000.619	333.770.766.219
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	14.447.826.669	-	14.447.826.669
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	3.868.627.350	(4.295.063.618)	-	(426.436.268)
Cổ tức công bố	-	-	(6.081.482.194)	-	(6.081.482.194)
Tạm trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	-	-	(2.100.000.000)	-	(2.100.000.000)
Số cuối năm	248.782.914.060	26.993.949.614	10.680.810.133	53.153.000.619	339.610.674.426
Năm nay					
Số đầu năm	248.782.914.060	26.993.949.614	10.680.810.133	53.153.000.619	339.610.674.426
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	15.158.851.339	-	15.158.851.339
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	4.405.292.686	(6.931.864.019)	-	(2.526.571.333)
Cổ tức công bố (*)	-	-	(6.960.362.444)	-	(6.960.362.444)
Tạm trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Số cuối năm	248.782.914.060	31.399.242.300	11.847.435.009	53.153.000.619	345.182.591.988

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nhiệm kỳ IV số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025.

21.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Vốn cổ phần (VND)	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Vốn cổ phần (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	127.198.280.000	51,13%	127.198.280.000	51,13%
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)	115.259.630.000	46,33%	115.259.630.000	46,33%
Các cổ đông khác	6.325.004.060	2,54%	6.325.004.060	2,54%
TỔNG CỘNG	**248.782.914.060**	**100,00%**	**248.782.914.060**	**100,00%**

21.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối lợi nhuận

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	248.782.914.060	248.782.914.060
Cổ tức đã trả		
Cổ tức công bố	6.960.362.444	6.081.482.194
Cổ tức đã trả trong năm	6.908.487.453	6.019.193.447

Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nhiệm kỳ IV số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024 như sau:

VND

	Số được phân phối	*Số phân phối trong năm này*	*Số còn phải phân phối*
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.991.198.053	2.362.253.772	3.628.944.281
Trích lập quỹ thưởng người quản lý công ty	264.317.561	264.317.561	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	4.405.292.686	4.405.292.686	-
Chia cổ tức	6.960.362.444	6.960.362.444	-
TỔNG CỘNG	**17.621.170.744**	**13.992.226.463**	**3.628.944.281**

21.4. *Cổ phiếu*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số lượng	*Giá trị*	*Số lượng*	*Giá trị*
		VND		*VND*
Cổ phiếu đã được duyệt	24.878.291	248.782.914.060	24.878.291	248.782.914.060
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ				
Cổ phiếu phổ thông	*24.878.291*	*248.782.914.060*	*24.878.291*	*248.782.914.060*
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	*24.878.291*	*248.782.914.060*	*24.878.291*	*248.782.914.060*

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.5. *Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý bãi rác thải Kinh Cùng	52.127.418.200	52.127.418.200
Các công trình khác	1.025.582.419	1.025.582.419
TỔNG CỘNG	**53.153.000.619**	**53.153.000.619**

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu hoạt động thuê bao đô thị	103.015.896.315	103.837.760.940
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	44.347.048.096	44.797.048.096
Doanh thu bán điện mặt trời	878.396.118	365.014.000
Doanh thu khác	81.479.630	4.895.372.550
TỔNG CỘNG	**148.322.820.159**	**153.895.195.586**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*43.512.502.636*	*48.614.740.001*
Doanh thu đối với bên khác	*104.810.317.523*	*105.280.455.585*

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động thuê bao đô thị	97.232.722.607	98.014.974.096
Giá vốn của dịch vụ cho thuê tài sản	19.613.408.994	17.319.729.713
Giá vốn hoạt động bán điện mặt trời	34.259.259	149.733.333
Giá vốn khác	39.200.000	4.821.816.267
TỔNG CỘNG	**116.919.590.860**	**120.306.253.409**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi ngân hàng	374.120.565	324.098.823
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.594.922.399	1.617.668.518
TỔNG CỘNG	**3.969.042.964**	**1.941.767.341**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	5.899.834.273	2.757.437.688
TỔNG CỘNG	**5.899.834.273**	**2.757.437.688**

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên quản lý	7.544.376.569	5.933.323.894
Chi phí vật liệu quản lý	400.881.749	449.449.585
Chi phí đồ dùng văn phòng	259.208.389	284.534.105
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	440.177.588	474.362.025
Thuế, phí và lệ phí	39.335.656	41.224.237
Chi phí dự phòng phải trả	39.000.000	45.275.000
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.819.841.072)	2.463.651.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.563.418	208.996.241
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.808.290.325	5.991.824.479
TỔNG CỘNG	**11.873.992.622**	**15.892.641.066**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Thu từ tiền hỗ trợ di dời bồi thường hệ thống cấp nước	251.701.474	341.625.000
Các khoản khác	1.090.909	9.855.978
	252.792.383	**351.480.978**
Chi phí khác		
Chi phí hỗ trợ di dời bồi thường hệ thống cấp nước	(208.487.898)	(154.458.436)
Các khoản bị phạt	-	(2.617.100)
Các khoản khác	-	(708.000)
	(208.487.898)	**(157.783.536)**
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**44.304.485**	**193.697.442**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		663.290.138	861.756.658
Chi phí nhân công		7.544.376.569	5.933.323.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	*(Thuyết minh số 11 và 12)*	20.121.037.575	17.856.398.503
(Hoàn nhập dự phòng)/trích lập dự phòng nợ khó đòi	*(Thuyết minh số 6)*	(1.819.841.072)	2.463.651.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài		97.036.331.961	98.092.656.361
Các chi phí khác		5.248.388.311	6.338.888.376
TỔNG CỘNG		**128.793.583.482**	**131.546.675.292**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Công ty được ưu đãi 10% thuế suất Thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với hoạt động có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 19, Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**17.642.749.853**	**17.074.328.206**
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Thu nhập được miễn thuế	(3.594.922.399)	(1.617.668.518)
Các khoản khác	419.360.256	284.446.564
Tổng lợi nhuận chịu thuế	**14.467.187.710**	**15.741.106.252**
Trong đó, thu nhập hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường	*4.095.390.276*	*5.217.197.128*
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	**2.893.437.542**	**3.148.221.250**
Thuế TNDN được ưu đãi 10% trong hoạt động xã hội hóa	(409.539.028)	(521.719.713)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.483.898.514**	**2.626.501.537**

29.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	Công ty con

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	Lợi nhuận được chia	432.854.087	-
	Góp vốn	400.000.000	-

Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	Phí dịch vụ công ích đô thị	96.834.432.887	97.601.184.368
	Doanh thu cho thuê tài sản	612.502.636	612.502.636
	Lợi nhuận được chia	2.640.182.794	1.143.270.904
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang	Phí lắp đặt	10.140.788.332	685.873.554
	Doanh thu cho thuê tài sản	42.900.000.000	43.350.000.000
	Bán vật tư	-	4.652.237.365
	Mua vật tư	-	93.793.110
	Lợi nhuận được chia	521.885.518	474.397.614
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	Chia cổ tức	3.558.709.604	3.103.638.032
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ)	Chia cổ tức	3.224.694.172	2.812.334.972

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang	25.333.218.475	21.120.646.445
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	336.876.450	336.876.450
TỔNG CỘNG	**25.670.094.925**	**21.457.522.895**
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang	968.288.320	-
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long	5.326.694.464	5.326.694.464
TỔNG CỘNG	**6.294.982.784**	**5.326.694.464**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	72.495.857	174.332.629
TỔNG CỘNG	**72.495.857**	**174.332.629**
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang	13.672.874.500	17.350.025.000
TỔNG CỘNG	**13.672.874.500**	**17.350.025.000**

30.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

❖ ***Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025***

VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Lương*	*Thù lao*	*Cộng*
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		***1.560.172.727***	***1.364.409.774***	***2.924.582.501***
Ông Huỳnh Thông Minh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 3 năm 2025); Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 6 tháng 5 năm 2025)	-	452.301.613	452.301.613
Ông Vũ Minh Đức	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 3 năm 2025)	-	490.488.161	490.488.161
Ông Bùi Trọng Lực	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	516.954.545	84.324.000	601.278.545
Ông Quách Minh Hiển	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	378.959.091	84.324.000	463.283.091
Ông Cao Thế Khải	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	378.959.091	84.324.000	463.283.091
Ông Huỳnh Trung Tín	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025); Phó Tổng Giám đốc	285.300.000	29.241.387	314.541.387
Ông Nguyễn Dũng Tiến	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025)	-	29.241.387	29.241.387
Ông Vũ Trung Kiên	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025)	-	55.082.613	55.082.613
Ông Vũ Trường Giang	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025)	-	55.082.613	55.082.613

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

❖ ***Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025***

VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Lương*	*Thù lao*	*Cộng*
Ban Kiểm soát		***-***	***531.528.000***	***531.528.000***
Ông Lý Thanh Quang	Trưởng ban	-	380.400.000	380.400.000
Ông Dương Anh Cường	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025)	-	49.360.355	49.360.355
Bà La Thụy Phiẳng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 06 tháng 5 năm 2025)	-	26.203.645	26.203.645
Bà Bùi Thị Thu Oanh	Thành viên	-	75.564.000	75.564.000
TỔNG CỘNG		**1.560.172.727**	**1.895.937.774**	**3.456.110.501**

❖ ***Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024***

VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Lương*	*Thù lao*	*Cộng*
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		***1.333.514.000***	***1.105.944.000***	***2.439.458.000***
Ông Huỳnh Thông Minh	Chủ tịch HĐQT	-	600.000.000	600.000.000
Ông Bùi Trọng Lực	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	456.000.000	84.324.000	540.324.000
Ông Quách Minh Hiển	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	380.400.000	84.324.000	464.724.000
Ông Cao Thế Khải	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	380.400.000	84.324.000	464.724.000
Ông Vũ Minh Đức	Thành viên	-	84.324.000	84.324.000
Ông Huỳnh Trung Tín	Thành viên	116.714.000	84.324.000	201.038.000
Ông Nguyễn Dũng Tiến	Thành viên	-	84.324.000	84.324.000
Ban Kiểm soát		***-***	***531.528.000***	***531.528.000***
Ông Lý Thanh Quang	Trưởng ban	-	380.400.000	380.400.000
Bà La Thụy Phiẳng	Thành viên	-	75.564.000	75.564.000
Bà Bùi Thị Thu Oanh	Thành viên	-	75.564.000	75.564.000
TỔNG CỘNG		**1.333.514.000**	**1.637.472.000**	**2.970.986.000**

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê mặt đất theo các hợp đồng thuê đất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	247.439.939	247.439.939
Trên 1 năm đến 5 năm	374.120.184	498.826.912
Trên 5 năm	3.849.021.795	3.973.728.523
TỔNG CỘNG	**4.470.581.918**	**4.719.995.374**

Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng cho thuê tài sản cố định để phục vụ công tác sản xuất và kinh doanh nước sạch với thời hạn từ 5 năm đến 15 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	41.749.626.900	45.349.626.900
Trên 1 – 5 năm	114.414.813.450	168.824.440.350
Trên 5 năm	660.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	**156.824.440.350**	**215.674.067.250**

32. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN

Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn tăng thêm vào Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long với số tiền 400.000.000 VND được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 đến năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và nhiệm kỳ IV (2025 - 2030) số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025.

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Vũ Thị Tình	**Trần Hồng Đăng**	**Bùi Trọng Lực**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026